

Số: 455/2021/QĐST-HNGĐ

Tân Bình, ngày 12 tháng 10 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 59, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 91/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 400/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2021 về việc: “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*” giữa các đương sự sau:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông Phạm Đình N, sinh năm 1974. Địa chỉ: đường D, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Nguyễn Anh T, sinh năm 1984. Địa chỉ: đường D, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 257, quyển số 1 ngày 14/11/2009 do Ủy ban nhân dân phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp thì ông Phạm Đình N và bà Nguyễn Anh T là vợ chồng hợp pháp. Ông Phạm Đình N và bà Nguyễn Anh T nộp đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 29 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Phạm Đình N và bà Nguyễn Anh T. Về con chung: Ông Phạm Đình N và bà Nguyễn

Anh T thỏa thuận giao 02 con chung Phạm Khánh A, sinh ngày 02/01/2016 và Phạm Đình T, sinh ngày 02/10/2016 cho bà Nguyễn Anh T trực tiếp nuôi dưỡng, mức cấp dưỡng cho con do hai bên tự thỏa thuận. Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: không có.

[3] Về lệ phí thuận tình ly hôn: Lệ phí là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng do ông Phạm Đình N và bà Nguyễn Anh T phải chịu.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Đình N và bà Nguyễn Anh T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông N và bà T thỏa thuận giao 02 (hai) con chung Phạm Khánh A, sinh ngày 02/01/2016 và Phạm Đình T, sinh ngày 02/10/2016 cho bà Nguyễn Anh T trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng cho con đối với ông Phạm Đình N do bà Nguyễn Anh T không có yêu cầu.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo qui định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông Phạm Đình N và bà Nguyễn Anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Phạm Đình N và bà Nguyễn Anh T khai không có.

2. Lệ phí việc dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng do ông Phạm Đình N và bà Nguyễn Anh T tự nguyện nộp, được căn trừ vào 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng lệ phí đương sự đã nộp theo biên lai số

AA/2021/0030353 ngày 04/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung năm 2014.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
 - Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
 - Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Bình;
 - UBND Phường H, quận B, Tp. HCM;
- (Để ghi vào sổ hộ tịch đối với Giấy CNKH số 257, quyền số 1 ngày 14/11/2009).
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Bùi Thụy Hồng Châu